

Sự gặp gỡ và chuyển giao thế hệ giữa các sĩ phu Nho học với trí thức Tây học trong phong trào yêu nước ở Việt Nam đầu thế kỷ XX

• **Trần Thuận**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

• **Huỳnh Trung Kiên**

Nhà xuất bản Văn hóa văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh

TÓM TẮT:

Cuối thế kỷ XIX, khi các cuộc khởi nghĩa chống Pháp bị thất bại, tư duy cứu nước ở Việt Nam rơi vào thế bế tắc, thì “tân thư”, “tân văn” từ Trung Quốc, Nhật Bản được du nhập vào nước ta, và chúng được các sĩ phu yêu nước tiếp nhận một cách tích cực. Những nội dung tư tưởng mới mẻ từ “tân thư”, “tân văn” đã tác động tạo ra những chuyển biến sâu sắc trong tư tưởng của sĩ phu yêu nước Việt Nam. Từ đây, trong tư duy cứu nước, họ đã hướng theo con đường Duy tân của Nhật Bản và theo xu hướng Dân chủ tư sản phương Tây.

Phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX do các sĩ phu tổ chức và lãnh đạo phân thành hai xu hướng: xu hướng bạo động do Phan Bội Châu làm thủ lĩnh và xu hướng cải cách do Phan Châu Trinh lãnh đạo. Tuy nhiên, đã có sự gặp gỡ giữa hai xu hướng trong các hoạt động yêu nước. Đó là thông qua phong trào, các xu hướng cứu nước này đã diễn ra cuộc gặp gỡ, hợp tác

giữa sĩ phu Nho học cấp tiến và trí thức Tây học Việt Nam.

Mối liên hệ gắn kết giữa sĩ phu Nho học với trí thức Tây học thể hiện rõ nét thông qua phong trào Đông du, phong trào Duy tân, thông qua hoạt động báo chí sôi nổi và thông qua những hoạt động của Hội Trí Tri... Tất cả họ gặp nhau ở một điểm là giải quyết những yêu cầu lịch sử đặt ra cho dân tộc Việt Nam: Độc lập và Phát triển.

Sự gặp gỡ đồng thời cũng là sự chuyển giao thế hệ – một hiện tượng lịch sử hết sức đặc biệt – nó phản ánh rõ sự vận động tất yếu của lịch sử, phù hợp với quy luật khách quan, tạo tiền đề cơ bản cho sự phát triển của phong trào dân tộc dân chủ đầu thế kỷ XX để rồi đưa giai cấp vô sản lên vũ đài chính trị để giải quyết thành công yêu cầu lịch sử đặt ra ở Việt Nam.

Từ khóa: sĩ phu Nho học, trí thức Tây học, chuyển giao thế hệ

Đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước Việt Nam đã diễn ra cuộc gặp gỡ, hợp tác giữa sĩ phu Nho học cấp tiến và trí thức Tây học Việt Nam. Mối liên hệ và sự gắn kết giữa sĩ phu Nho học với trí thức Tây học thể hiện rõ nét thông qua phong trào Đông du,

Duy tân; thông qua hoạt động báo chí sôi nổi và những hoạt động của Hội Trí Tri,... Tất cả họ gặp nhau ở một điểm là giải quyết những yêu cầu lịch sử đặt ra cho dân tộc Việt Nam: độc lập và phát triển.

Sự gấp gáp đồng thời cũng là sự chuyển giao thế hệ, một hiện tượng lịch sử hết sức đặc biệt, nó phản ánh rõ sự vận động tất yếu của lịch sử, phù hợp với quy luật khách quan, tạo tiền đề cơ bản cho sự phát triển của phong trào dân tộc dân chủ đầu thế kỷ XX dưới ngọn cờ tư sản dân tộc để rồi đưa giai cấp vô sản lên vũ đài chính trị để giải quyết thành công yêu cầu lịch sử đặt ra.

1. Sự chuyển biến tư tưởng ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX và sự xuất hiện tầng lớp trí thức Tây học

- *Sự chuyển động từ trong dòng chảy lịch sử nước nhà*

Khi đề cập đến công cuộc duy tân cải cách, nhiều người chỉ đề cập đến sự du nhập của làn sóng tân thư từ bên ngoài, chủ yếu là từ Trung Quốc, Nhật Bản vào Việt Nam, mà quên rằng từ cuối thế kỷ XIX, những năm đầu thế kỷ XX, ngay tại nước ta cũng có những tân thư gây tác động không nhỏ đối với giới sĩ phu cấp tiến. Đó là những điều trần nhằm đặt ra yêu cầu canh tân đất nước của Nguyễn Trường Tộ, Đặng Huy Trứ, Phạm Phú Thứ,... đặc biệt là Nguyễn Lộ Trạch. Ngoài những bản điều trần, chính các sĩ phu thế hệ trước cũng là những tấm gương sáng về sự mở mang tri thức và tinh thần canh tân, đổi mới đất nước. Trong *Việt Nam quốc sử khảo* viết năm 1908, Phan Bội Châu viết: “Những năm cuối thời Tự Đức bản triều, tân học chưa vào, đường biển chưa mở, nhưng đã có kẻ bàn về đại thể của thiên hạ, nói nên kết giao với Anh, Đức, không nên cứ ý lại vào Bắc triều; đã có người xin cử người xuất dương học binh pháp của người Tây Âu, xin mở thương cảng, thông thương với các nước, xin cử người học học thuật của Tây Âu như Thừa Thiên có Nguyễn Lộ Trạch, Đặng Huy Trứ, Quảng Ngãi có Nguyễn Đức Thuận; Nghệ An có Nguyễn Trường Tộ. Họ chính là những người đã trồng cái mầm khai hóa trước tiên”¹.

¹ Dẫn theo Lý Tùng Hiếu (2005), *Lương Văn Cang và phong trào Duy Tân – Đông Du*, Nxb. Văn hóa Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 34. Xem trong *Phan Bội Châu toàn tập*, tập 2, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1990, tr. 383.

Nguyễn Thượng Hiền, bạn thân của Nguyễn Lộ Trạch, những năm 1897-1898, khi kết bạn với Phan Bội Châu ở Huế, ông đã đưa cụ Phan *Thiên hạ đại thể luận* của Nguyễn Lộ Trạch cùng với các sách như *Trung Đông chiến ký*, *Phổ Pháp chiến ký* của Lương Khải Siêu, *Dinh hoàn chí lược* của Từ Kế Dự và các tài liệu về Mậu Tuất chính biến của Trung Quốc được truyền vào nước ta như *Mậu Tuất chính biến*, *Trung Quốc hồn*, *Tân Dân tùng báo*. Chính qua cuộc tiếp xúc này và ảnh hưởng của những tài liệu trên đã làm thay đổi to lớn trong nhận thức của Phan Bội Châu về thời cuộc, từ đó tư tưởng của ông đã có những thay đổi căn bản. Trong *Niên biểu*, Phan Bội Châu xác nhận rằng, “*Tiên sinh [Nguyễn Thượng Hiền] có tàng trữ những văn chương của ông Kỳ Am Nguyễn Lộ Trạch, xưa nay chưa cho ai xem, bây giờ mới đưa cho tôi xem, tôi được đọc bài Thiên hạ đại thể luận của ông Kỳ Am mà hiện thế giới tư tưởng mới mẫn mẫn từ lúc đó*” và cái “*tư tưởng phá cũ số lòng*”² cũng đã bắt đầu được gieo mầm nơi Phan Bội Châu.

Tư tưởng canh tân của sĩ phu Việt Nam cuối thế kỷ XIX, mà đặc biệt là Nguyễn Lộ Trạch với bài *Thiên hạ đại thể luận* còn ảnh hưởng rất sâu sắc đến nhiều sĩ phu nước nhà đầu thế kỷ XX như Huỳnh Thúc Kháng, Phan Châu Trinh,... Ấn tượng đó sâu sắc đến nỗi 40 năm sau Huỳnh Thúc Kháng thuật lại trên báo *Tiếng dân* số 424 ngày 3/10/1931³ với bài viết “*Điều tiên kiến của một học giả nước ta*” nhân cuộc tấn công của nước Nhật đế quốc vào Trung Hoa, điều mà lúc ấy Nguyễn Lộ Trạch đã cảnh báo: “*Nhật Bản thì mỗi ngày một tiến mau chóng, thế nhưng Nhật Bản mạnh thì mối lo của Trung Hoa lại chẳng phải ở Tây Dương mà ở đây vậy*”⁴. Qua bài báo, cụ Huỳnh đã nêu lên ý nghĩa của bài “luận”, cũng như xác nhận vai trò và ảnh

² Phan Bội Châu (2000), *Tự phán*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr. 28-29.

³ Theo Lý Tùng Hiếu (2005), *Lương Văn Cang và phong trào Duy Tân – Đông Du*, Sđd, tr. 38.

⁴ *Thiên hạ đại thể luận*, Dẫn theo Mai Cao Chương, Đoàn Lê Giang (1995), *Nguyễn Lộ Trạch – điều trần và thơ văn*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 139.

hưởng to lớn trong những tư tưởng canh tân của Nguyễn Lộ Trạch đối với giới sĩ phu Việt Nam đầu thế kỷ XX: “*Độc giả thử nghĩ, 40 năm về trước mà học giới ta có người (Huỳnh Thúc Kháng vẫn gọi đại văn hào) có bài đại luận tình lý đã xác thực châu đáo mà văn thể cũng hùng kiện, không đáng gọi là Khang, Lương của nước ta sao? Chính Cụ Sào Nam, Cụ Tây Hồ và phần nhiều trong đám tiên thời nhân vật ở xứ ta sở đắc ảnh hưởng của bài ấy rất là sâu xa mật thiết, không kém gì sách Khang, Lương kia*”⁵. Những điều trần canh tân đất nước của Nguyễn Lộ Trạch (và những sĩ phu có ý chí canh tân vào cuối thế kỷ XIX) đã làm thay đổi trong nhận thức của sĩ phu đầu thế kỷ XX, góp thêm ý tưởng cho họ trong các hoạt động thực tiễn. Vì vậy, Nguyễn Văn Xuân đã coi Nguyễn Lộ Trạch là “*người suýt đưa tư tưởng Duy Tân vượt khỏi lý thuyết để đi vào nẻo thực hành*” và bài *Thiên hạ đại thế luận* của ông được coi như “*Tuyên ngôn đầu tiên của phong trào Duy Tân Việt Nam*”.

- *Cơn sóng triều bốn phía dội vào*

Những năm đầu thế kỷ XX, làn sóng tân văn, tân thư dồn dập dội vào nước ta. Các sách báo này mang tinh thần tiến bộ với nội dung phong phú, chứa đựng những kiến thức mới so với những sách vở của nền Nho học, đề cập đến nhiều vấn đề của tình hình thế giới lúc bấy giờ, đặt ra yêu cầu cải cách chính trị, tổ chức lại nền kinh tế và giáo dục theo kiểu phương Tây. Những tân văn được lưu truyền bấy giờ có thể kể đến *Dân ước luận* (Contrat Social) của Lư Thoa (J.J. Rousseau); *Vạn lý tinh pháp* (Esprit des lois) của Mạnh Đức Tư Cưu (Montesquieu); *Trung Đông chiến ký*, *Pháp Phổ chiến ký* của Lương Khải Siêu; *Dinh hoàn chí lược* của Từ Kế Dự,... cùng các tài liệu truyền sang nước ta sau cuộc chính biến 21.9.1898 ở Trung Quốc như *Mậu Tuất chính biến*, *Trung Quốc hỗn*, *Tân Dân từng báo*,...

Các tài liệu này vào nước ta chủ yếu theo đường biển qua các hải cảng Hải Phòng, Đà Nẵng, Sài Gòn,

Huế,... ở những nơi “*có đông đảo Hoa kiều, có cả những đoàn thể cách mạng Trung Quốc*”⁶. Nhiều tài liệu đã chứng minh ảnh hưởng mạnh mẽ của tân thư đến tư tưởng và thái độ của sĩ phu Việt Nam vào đầu thế kỷ XX như trong *Tự phán*, Phan Bội Châu kể lại cuộc gặp Nguyễn Thượng Hiền ở Huế năm 1897, qua đây ông đã được đọc tân thư và có những thay đổi sâu sắc trong nhận thức của mình: “*Tiên sinh [Nguyễn Thượng Hiền] cho tôi mượn mấy bộ sách (...), tôi vì xem những pho sách ấy mới hiểu được tình trạng cạnh tranh ở trong hoàn hải, thảm trạng quốc vong chủng diệt càng kích thích trong óc sâu lắm*”⁷.

Phan Châu Trinh hồ hởi đón nhận và có sự thay đổi to lớn trong nhận thức của mình sau khi đọc tân thư. Huỳnh Thúc Kháng, trong *Phan Tây Hồ Tiên sinh lịch sử* đã cho biết rằng, “*Sách mới, báo mới xuất hiện đã tràn qua nước ta, mà ảnh hưởng nhất là sách của Khang Hữu Vi cùng Lương Khải Siêu, vì sách ấy nói dân quyền, tự do, phát minh được chân tướng văn minh Ấy Tây nhiều. Tiên sinh [Phan Châu Trinh] thường qua lại với ông Thân Trọng Huề, Đào Nguyên Phổ mượn sách ấy xem, trong lòng ham thích quên ngủ, quên ăn, từ đó trong tư tưởng đổi hẳn ra một cách mới mẻ*”⁸. Chính Huỳnh Thúc Kháng cũng xác nhận những tác động to lớn của tân thư đối với ông và những sĩ phu cùng thời: “*Thời bấy giờ tại Trung Quốc sau cuộc Mậu Tuất chính biến và Canh Tý liên binh, sĩ phu hơi tỉnh ngộ, có phong trào hoan nghênh Âu học chuyển động toàn quốc, sách báo của Khương Hữu Vi, Lương Khải Siêu (phái lãnh tự duy tân), dần dần du nhập vào nước ta, tin Nga Nhật chiến tranh đến tận bên ta, không như thời bế tắc trước. Năm trước đó có quan Thị lang*

⁶ Trần Văn Giàu (1993), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, Tập 2: *Hệ ý thức tư sản và sự bắt lức của nó trước các nhiệm vụ lịch sử*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, tr. 23.

⁷ Phan Bội Châu (2000), *Tự phán*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr. 28-29.

⁸ Minh Viên Huỳnh Thúc Kháng (1959), *Phan Tây Hồ Tiên sinh lịch sử*, Nxb. Anh Minh, Huế, tr. 14. Dẫn theo Vĩnh Sính (2001), *Việt Nam và Nhật Bản – giao lưu văn hóa*, Nxb. Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh và Trung tâm Nghiên cứu Quốc học xuất bản, tr. 175.

⁵ Dẫn theo Nguyễn Văn Xuân (2000), *Phong trào Duy Tân*, Nxb. Đà Nẵng (in lần thứ tư), tr. 25.

Thân Trọng Huệ (có sang Pháp du học) có tờ sớ xin bỏ khoa cử, tại kinh có Đào Tào Pha (Nguyên Phổ) mua được nhiều sách mới (như Mậu Tuất chính biến, Trung Quốc hồn, Nhật Bản Duy tân sử, Tân Dân tùng báo, cùng sách Âu dịch ra Pháp văn), nhất là Phan Tây Hồ tụy tâm bàn Tây học (lúc bấy giờ làm Thừa biện Bộ Lễ), tôi ở ngoài không thi, thường với Tây Hồ đến nhà Đào, có bao nhiêu tân thư đọc hết, biết được đôi chút biến thiên của thế giới, thật bất đầu từ năm ấy”⁹.

Theo ghi nhận của Đặng Thai Mai, sĩ phu nước nhà vào đầu thế kỷ XX đã có thái độ rất tích cực trong việc tiếp nhận tân thư và nó có vai trò to lớn trong sự chuyển biến nhận thức của họ. Báo *Thần chung* ra ngày 25.1.1929 một lần nữa xác nhận ảnh hưởng to lớn của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu cùng những trước tác của họ đối với sĩ phu nước ta đầu thế kỷ XX: “*Tập Âm Bãng thất của Lương tiên sinh với sĩ phu nước ta chẳng khác chi thuốc hay với người mang bệnh trầm kha. Còn Trung Quốc hồn cũng của Lương là tập sách vài mươi trang mà thay đổi lòng người như chớp, một tập sách nói chuyện nước Tàu mà 20 triệu dân Nam ta phấn khởi*”¹⁰.

Những sĩ phu có tinh thần canh tân đất nước vào cuối thế kỷ XIX như Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch,... đều đã ít nhiều nhận ra được những bài học quý báu từ sự thành công của cuộc Duy tân ở nước Nhật. Nguyễn Trường Tộ đề nghị triều đình noi gương theo Nhật Bản thực hiện chính sách mở cửa, kí hiệp định thương mại với các nước phương Tây, thực hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo, sử dụng sự kiềm chế lẫn nhau của các cường quốc để bảo vệ nền độc lập dân tộc. Nguyễn Lộ Trạch cũng kêu gọi học tập Nhật Bản để Duy tân đất nước, thực hiện văn minh hóa, làm cho “phú quốc cường binh”. Nhưng ông cũng nhận ra ở Nhật Bản là một nước đế quốc đang lên và tích cực tham gia vào quá

trình tranh chấp thuộc địa ở Đông Á, là mối đe dọa với các quốc gia xung quanh, kể cả Trung Quốc. Những dự báo của Nguyễn Lộ Trạch về Nhật Bản, về tình thế Đông Á có thể nói là sắc sảo và tài tình¹¹.

“Điều tiên kiến” của Nguyễn Lộ Trạch đã sớm cho nghiệm đúng. Không lâu sau thành công của cuộc Duy tân, Nhật Bản cho tiến hành thôn tính Đài Loan, Lưu Cầu, Triều Tiên,... nhất là hai chiến thắng của Nhật trong cuộc chiến tranh Trung – Nhật (1894 - 1895) và chiến tranh Nga – Nhật (1904 - 1905). Tuy nhiên, khách quan để thấy rằng, thắng lợi của Nhật Bản trước đế quốc Nga đã có tiếng vang rất lớn đối với các dân tộc thuộc địa ở châu Á, trong đó có Việt Nam, họ tiếp tục nuôi hy vọng về sự thắng lợi trước chủ nghĩa thực dân phương Tây. Chiến thắng vang dội của Nhật Bản trước Nga được Phan Châu Trinh coi như là tiếng sét “trời long đất lở”, có sức tác động rất lớn đối với sĩ phu trong nước. Ông viết: “*Bỗng nhiên một tiếng sét nổ ra, trời long đất lở, dư ba của cuộc chiến tranh Nhật – Nga, động lực của cuộc Duy tân Trung Quốc vang dội bốn phía, lay động cả nước. Do đó, các cử động, các đảng phái trong nước cũng theo đó mà nổi lên*”¹². Nhật Bản trở nên có sức hấp lực lớn đối với những nhà cải cách ở phương Đông. Một số sĩ phu Việt Nam, trong đó có Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh đều lần lượt sang Nhật để khảo sát tình hình phát triển của nước Nhật, học tập con đường Duy tân để tự cường dân tộc.

Trước khi đặt chân lên đất nước Nhật Bản, Phan Bội Châu đã có những ấn tượng rất sâu đậm về cuộc Duy tân ở đất nước này, nhất là qua tác phẩm *Nhật Bản Duy tân tam thập niên sử*. Khi đến Nhật, ông tận mắt chứng kiến sự phát triển vượt bậc của một nước bạn “đồng chủng đồng văn”, và “*Thấy người ta rồi, mình hết sức hổ thẹn cho mình lúc trước kia chỉ ngồi co ro trong nước, hèn mà chẳng kiến văn*

⁹ Huỳnh Thúc Kháng (2000), *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr. 33.

¹⁰ Báo *Thần chung*, tháng 25/1/1929, Dẫn theo Nguyễn Quang Ngọc (CB, 2002), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, (tái bản lần thứ hai), tr. 234.

¹¹ Nguyễn Tiến Lực (2010), *Minh Trị Duy tân và Việt Nam*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr. 259.

¹² Nguyễn Văn Dương (2006), *Tuyển tập Phan Châu Trinh*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội (In lần thứ hai), tr. 578.

mù mờ, tư tưởng bế tắc không biết gì cả. Hết thấy anh em đồng chí với tôi cũng đều như tôi cả”, rồi mới than rằng: “chính trị của cường quốc với trình độ của quốc dân, chỉ một việc ấy so với nước ta, cách xa trời với vực”¹³.

Từ những bài học của Nhật Bản, Sào Nam tin tưởng “Sau cuộc Duy tân rồi thì tư cách nội trị, quyền lợi ngoại giao đều do ta nắm giữ. Sự nghiệp văn minh ngày càng tiến bộ, phạm vi thế lực ngày càng mở mang. Sau khi Duy tân rồi dân trí sẽ mở mang, dân khí sẽ lớn mạnh, dân quyền sẽ phát đạt, vận mệnh nước ta do dân ta nắm giữ. Nước Nhật Bản bây giờ cũng như nước Việt Nam sau này vậy”¹⁴.

Năm 1905, Phan Châu Trinh viếng thăm nước Nhật. Trong dịp này, cả hai cụ Phan đã khảo sát nhiều nơi, trong đó có trường Đại học Keio Gijutsu (Khánh Ưng nghĩa thực), trường học do Fukuzawa Yukichi sáng lập, là trung tâm đào tạo nhân tài nổi tiếng của nước Nhật. Dân trí và dân quyền là những điều mà Phan Châu Trinh tâm đắc hơn cả về nước Nhật sau cuộc Duy tân: “Nay chúng ta thử ghé mắt xem qua tình hình Âu - Á. Nhật Bản là nước đồng văn đồng chủng với nước ta. Bốn mươi năm trước, họ đã lập ra Hiến pháp, cho dân được bầu cử Nghị viện; việc chính trị trong nước theo công ý của dân, chứ vua không được tự chuyên cả. Vì thế nên nước họ được cường thịnh, nay đã đứng đầu trong Á Đông, thế mà dân họ vẫn còn hiềm vua quá lớn”¹⁵.

Lúc Phan Châu Trinh sang Nhật cũng là lúc phong trào Đông du đưa thanh niên Việt Nam sang Nhật học tập do Phan Bội Châu khởi xướng đang được tiến hành. Châu Trinh rất ủng hộ chủ trương khai dân trí đó, nhưng ông nhất quyết không tán thành chủ trương dựa vào Nhật để giành độc lập dân tộc. Vì hơn ai hết, Châu Trinh là người đã tiếp thu và

nghiên ngẫm rất kỹ những tiên kiến của Nguyễn Lộ Trạch về “nguy cơ từ nước Nhật” trong *Thiên hạ đại thế luận*. Cụ nói: “Nay nếu cầu mà được, Trung Quốc có thể cậy, Nhật Bản sẽ tới, thì rước hùm beo vào giành giết nhau trong nhà cho là vui, đem rắn rết vào chiếm cứ trong nhà cho là tốt, thì kế cũng dở vậy”¹⁶. Phan Châu Trinh ủng hộ và hô hào việc học tập Nhật Bản trong cuộc duy tân đất nước. Từ Nhật về, Phan Châu Trinh kết hợp với những chí sĩ khác phát động phong trào Duy tân, đề xướng thành lập các nghĩa thực ở Việt Nam giống như Khánh Ưng nghĩa thực ở nước Nhật. Cụ rất sốt sắng trong việc sáng lập và tích cực hoạt động trong phong trào Đông Kinh nghĩa thực.

Phân đông các sĩ phu Việt Nam đầu thế kỷ XX đều nhận ra những thành công của nước Nhật trong cuộc Duy tân đất nước, nhất là sau chiến thắng của Nhật Bản trước Nga (1905), một “đế quốc da trắng”. Lúc này họ coi Nhật Bản như là người “anh cả da vàng”, là tấm gương để Việt Nam có thể học tập nhằm duy tân đất nước, làm cho nước ta hùng mạnh như nước Nhật lúc bấy giờ.

• Sự hình thành lớp trí thức Tây học đầu thế kỷ XX

Nhằm phục vụ cho công cuộc cai trị và khai thác thuộc địa, thực dân Pháp rất chú ý đến vấn đề giáo dục. Bình định đến đâu, thiết lập nền giáo dục thực dân đến đó. Phát triển giáo dục ở thuộc địa trước hết nhằm mục đích đào tạo ra một lực lượng cán bộ thừa hành, phục vụ cho bộ máy cai trị của chính quyền thực dân.

Sau khi chiếm được Chí Hòa, kiểm soát được Gia Định, ngày 21/9/1861, đô đốc Charner đã ký nghị định thành lập trường Bá Đa Lộc để dạy tiếng Pháp cho người Việt và tiếng Việt cho người Pháp, chủ yếu là đào tạo đội ngũ thông dịch viên phục vụ cho bộ máy quân sự của Pháp. Và để “phát triển cái mầm móng quý giá của công cuộc chinh phục tinh thần” (chữ dùng của P. Vial) của thực dân Pháp, nhà cầm

¹³ Phan Bội Châu toàn tập, tập 3, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1990, trang 184; Phan Bội Châu (2000), *Tự phán*, Sdd, tr. 60.

¹⁴ Phan Bội Châu toàn tập, tập 2, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1990, tr. 273.

¹⁵ Nguyễn Văn Dương (1995), *Tuyển tập Phan Châu Trinh*, Nxb. Đà Nẵng, tr. 597.

¹⁶ Nguyễn Văn Dương (2006), *Tuyển tập Phan Châu Trinh*, Sdd, tr. 606.

quyền thực dân cho thành lập các trường tiểu học ở các tỉnh Nam kỳ để dạy quốc ngữ và toán theo nghị định của đô đốc De La Grandière ngày 16/7/1864; gửi một số du học sinh sang Pháp học; thành lập trường Sư phạm ở Sài Gòn (10/7/1871),... Đến năm 1874, Pháp cho thành lập cơ quan Học chính Nam kỳ để nghiên cứu và chỉ đạo công tác giáo dục trong toàn xứ. Đến năm 1879, nền giáo dục của Pháp ở Nam kỳ gồm 3 cấp, các trường tỉnh dạy đến cấp 3, trường huyện dạy đến cấp 2, trường xã chỉ dạy cấp 1. Nội dung giảng dạy có nhiều điểm mới so với các trường Nho học trước đây. Ngoài chữ Hán vẫn còn được duy trì, nhà trường còn dạy chữ Pháp, chữ quốc ngữ, toán; ở cấp 2 học sinh còn được học địa lý, lịch sử Việt Nam; ở cấp 3, học thêm các môn thiên văn, sinh vật, địa chất¹⁷,... Thi cử Nho học bị loại bỏ trong nền giáo dục ở Nam kỳ. Giáo dục của Pháp trong giai đoạn này chủ yếu nhằm đào tạo thông dịch viên phục vụ cho bộ máy cai trị của Pháp và truyền bá chữ Pháp, chữ quốc ngữ, loại bỏ dần chữ Hán. Đây cũng là cơ sở cho việc thiết lập một nền giáo dục thực dân hoàn thiện hơn nhằm hình thành nên những người trí thức mới theo lối Tây học.

Paul Bert, Tổng trú sứ đầu tiên của Bắc kỳ và Trung kỳ đã quan tâm đến việc phát triển giáo dục từ trước khi bộ máy hành chính Liên bang Đông Dương chính thức được thiết lập. Năm 1886, Dumoutier được cử làm nhà tổ chức và thanh tra về giáo dục Pháp - An Nam, chủ trương tiếp tục duy trì những trường bản xứ dạy chữ Nho ở Bắc kỳ, đồng thời tiến hành cải cách các trường Nho giáo để chuyển dần sang giáo dục Pháp - An Nam sao cho ảnh hưởng của Pháp ngấm dần và liên tục vào nhân dân ta. Đến khoảng năm 1887, Pháp đã tổ chức được ở Bắc kỳ và Trung kỳ một trường thông ngôn, 9 trường nam tiểu học, 4 trường nữ tiểu học với nội dung giảng dạy giống như ở Nam kỳ, một trường dạy vẽ và 117 trường dạy chữ quốc ngữ¹⁸. Mục tiêu

của người Pháp là xây dựng một nền giáo dục có sự hòa trộn giữa các yếu tố Pháp với các yếu tố Việt Nam, thông qua các nhà trường Pháp - Việt. Các trường dạy Nho học vẫn còn tồn tại, khoa cử Nho học vẫn được duy trì cho đến năm 1919.

Để tổ chức một nền giáo dục quy mô và thống nhất của Pháp ở Việt Nam, chính quyền Pháp luôn có những điều chỉnh và cải cách, trong đó nổi bật là hai cuộc cải cách giáo dục lớn vào các năm 1906 và 1917. Cuộc cải cách giáo dục năm 1906 dưới thời Toàn quyền P. Beau, mà nội dung là cùng lúc thực hiện hai hệ thống giáo dục: giáo dục Pháp - Việt và giáo dục Nho học. Cuộc cải cách giáo dục năm 1917 dưới thời Toàn quyền A. Sarraut nhằm xóa bỏ nền giáo dục Nho học, củng cố và phát triển giáo dục của Pháp ở Đông Dương.

Các trường học của người Pháp với những nội dung mới mẻ của nó đã góp phần đưa những tri thức, tư tưởng mới vào xã hội nước ta đồng thời tạo ra một lực lượng trí thức mới ở Việt Nam, tiêu biểu như Hồ Đắc Di, Tôn Thất Tùng, Hoàng Minh Giám, Vũ Đình Hoè, Nguyễn Phan Chánh, Huỳnh Tấn Phát, Võ Nguyên Giáp, Đặng Xuân Khu, Nguyễn Thái Học, Tôn Quang Phiệt...

Phần lớn trí thức Tây học có nền tảng học vấn Nho học, họ kết hợp được tinh hoa của cả hai nền văn hóa Đông – Tây. Chính họ đã tạo nên sự thay đổi lớn trên lĩnh vực văn hóa tư tưởng, chính trị ở nước ta trong thời gian này. Một bộ phận du học ở Pháp về như Tiến sĩ luật Phan Văn Trường, Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Luật sư Nguyễn An Ninh, Cử nhân Nguyễn Thế Truyền, Thạc sỹ Triết học Trần Đức Thảo, Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, Tiến sĩ Nguyễn Văn Huyền, Thạc sỹ Hoàng Xuân Hãn,... được gọi là trí thức bậc cao. Lực lượng trí thức mới này sống tập trung ở các đô thị lớn, các trung tâm văn hóa, chính trị như Sài Gòn, Hà Nội, Vinh, Đà Nẵng, Huế.

Tính đến năm 1929, đội ngũ này đã có khoảng 400.000 giáo viên, công chức, sinh viên, học sinh với cấu trúc đa dạng gồm nhiều bậc học (từ tiểu học

¹⁷ Phan Trọng Báu (2006), *Giáo dục Việt Nam thời cận đại*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 48-49.

¹⁸ Phan Trọng Báu (2006), *Giáo dục Việt Nam thời cận đại*, Sdd, tr. 59.

đến trên đại học). Một bộ phận trong số họ phục vụ trong chính quyền thực dân nhưng có vai trò nhất định trong công cuộc khai hóa, phát triển văn hóa, giáo dục như Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim,... Đa số họ tiếp nối truyền thống yêu nước, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, đấu tranh chống văn hóa nô dịch,... Nhiều người trong số họ đã trở thành ngọn cờ đầu trong việc truyền bá chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc gắn với tư tưởng tiến bộ của nhân loại như Nguyễn An Ninh, Phan văn Trường, Nguyễn Thái Học,... Một số người đã sớm tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin và trở thành người cộng sản như Nguyễn Tất Thành, Phạm Văn Đồng, Trần Phú, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Diểu, Nguyễn Khoa Văn,...

Bên cạnh đó, việc truyền bá và phổ biến chữ quốc ngữ có ảnh hưởng to lớn đến xã hội Việt Nam. Trong các trường Pháp - Việt, đặc biệt là hệ thống trường tân học Việt Nam, việc dạy học quốc ngữ được coi trọng. Một số người ở Việt Nam, có điều kiện ra nước ngoài học tập, hăng hái truyền bá những tri thức mới mẻ của phương Tây và phổ biến chữ quốc ngữ cho dân ta như Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Nguyễn Văn Tố, Nguyễn Văn Vĩnh,... Sự xuất hiện của văn học và báo chí quốc ngữ (sớm nhất là ở Nam kỳ) đã tác động không nhỏ trong xã hội và là một trong những điều kiện góp phần hình thành lớp trí thức Tây học. Tạp chí *Nam Phong* có vai trò to lớn trong việc truyền bá chữ quốc ngữ ở nước ta, cổ súy và nâng cao trình độ quốc ngữ với mong muốn biến nó trở thành một nền ngôn ngữ sánh được với tiếng Pháp¹⁹. Các sách dịch từ văn Hán Nôm sang quốc ngữ, các sáng tác quốc ngữ, các sách khoa học phương Tây,... không những đưa vào nước ta những thành tựu văn hóa

¹⁹ Tạp chí *Nam Phong* ra đời ngày 1.7.1917 do Phạm Quỳnh làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút. Báo xuất bản bằng hai thứ chữ: quốc ngữ và chữ Nho với mục đích dùng chữ quốc ngữ để diễn tả, giải thích các tư tưởng, học thuật Âu – Á, mang những kiến thức này đến cho người không biết tiếng Pháp hoặc chữ Nho. Phạm Quỳnh chủ biên phần quốc ngữ còn Nguyễn Bá Trắc chủ biên phần chữ Nho.

của các nước phương Tây mà còn giúp phổ biến chữ quốc ngữ một cách hiệu quả.

2. Mối liên hệ giữa sĩ phu Nho học với trí thức Tây học trong phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX

• *Sự gặp gỡ của hai xu hướng bạo động - cải cách trong phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX*

Phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX do các sĩ phu tổ chức và lãnh đạo đã phân ra thành hai xu hướng: Phan Bội Châu theo khuynh hướng bạo động với tổ chức hội Duy Tân, Phan Châu Trinh chủ trương duy tân, cải cách. Tuy vậy, giữa hai xu hướng này vẫn không có sự rạch ròi mà gặp nhau ở nhiều điểm.

Năm 1904, Phan Bội Châu cùng Nguyễn Thành, Lê Võ, Đặng Tử Kính, Đặng Thái Thân,... xúc tiến thành lập Duy Tân hội (Ám xã) để tổ chức các hoạt động chống Pháp, giành độc lập dân tộc. Hai trong các nhiệm vụ đề ra là chuẩn bị cho cuộc bạo động và xuất dương cầu viện được những người trong Hội đặc biệt chú ý. Duy Tân hội đã tổ chức sang Nhật xin cầu viện để đánh Pháp nhưng không thành do sự khước từ của các chính khách Nhật. Tuy nhiên, qua chuyến khảo sát thực tế tại nước Nhật, Phan Bội Châu đã nhận ra rằng, “*muốn mở rộng cuộc vận động cách mạng phải chấn hưng kinh tế, xuất bản sách báo, lập các đoàn thể để nâng cao lòng yêu nước căm thù giặc, trình độ văn hóa, chính trị trong nhân dân*”²⁰, cùng với đó là sự gợi ý của nhà cải cách Trung Quốc Lương Khải Siêu đang sống lưu vong trên đất Nhật, Phan Bội Châu về nước vận động cuộc Đông du, đưa thanh niên Việt Nam sang Nhật học tập. Chủ trương này được sự hưởng ứng rộng rãi, kể cả Phan Châu Trinh, một thủ lĩnh của xu hướng cải cách (Minh xã). Phan Bội Châu vừa vận động thanh niên du học, vừa gợi ý cho các chí sĩ ở trong nước thành lập các hội nông, hội buôn, hội học để tập hợp quần chúng, vừa vận

²⁰ Đinh Xuân Lâm (Cb, 2003), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 2, Sdd, tr. 141.

động kinh phí cho hoạt động của phong trào, vừa tuyên truyền cho phương pháp kinh tế và giáo dục mới. Cường Để cho biết, “*Nguyễn Hàm và các đồng chí ở trong nước tiến hành ngay kế hoạch lập “thương hội”*. *Mới trong vòng hai tháng “thương hội” đã lập được 72 nơi, người nhận vào cổ phần rất nhiều*”²¹. Số lượng 72 nơi có thương hội chỉ trong vòng hai tháng có thể là một con số phóng đại nhưng chỉ ít cũng cho ta biết rằng, chủ trương lập thương hội có tác dụng rất lớn trong việc tập hợp lực lượng và được xem là một trong những nội dung lớn, hoạt động sôi nổi của Duy Tân hội.

Trong khi đó, việc thành lập các nông, công, thương, học hội cũng là chủ trương của các chí sĩ theo xu hướng duy tân, cải cách, và họ đã tiến hành lập các hội này từ khá sớm, tiêu biểu là việc thành lập công ty Liên Thành và trường Dục Thanh ở Bình Thuận trong cuộc “Nam du” của ba chí sĩ Duy tân: Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp. Ở Quảng Nam, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Lê Cơ,... đã cho thành lập nhiều hội thương, hội nông, hội học để hiện thực hóa chủ trương “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh” mà Phan Châu Trinh đã khởi xướng.

Ngoài cuộc vận động đưa thanh niên Việt Nam sang Nhật Bản học trong phong trào Đông du, Phan Bội Châu còn cùng với các sĩ phu yêu nước khác thành lập trường Đông Kinh nghĩa thực ở Hà Nội năm 1907, mô phỏng theo mô hình của Khánh Ưng nghĩa thực mà hai cụ Phan đã có dịp chứng kiến ở nước Nhật. Đông Kinh nghĩa thực được lập nên nhằm khai dân trí cho đồng bào, truyền bá nền học thuật và tư tưởng mới cùng nếp sống văn minh, tiến bộ, là nơi tuyên truyền cho lòng yêu nước và tự hào dân tộc, và cũng là nơi thể hiện sự phối hợp hành động, hỗ trợ cho phong trào Đông du của Phan Bội Châu và phong trào Duy tân đang phát triển khắp cả nước.

²¹ Dẫn theo Nguyễn Văn Xuân (2000), *Phong trào Duy tân*, Sdd, tr. 147.

Đông Kinh nghĩa thực là đỉnh cao của phong trào tân học diễn ra rầm rộ khắp nơi trong nước, mở đầu từ đất Quảng Nam dưới sự khởi xướng của các nhà Duy tân cải cách nhằm “khai dân trí”. Tuy nhiên, Đông Kinh nghĩa thực không chỉ là một trường học thuần túy trong khuôn khổ cuộc cải cách văn hóa, mà là một sự hòa quyện độc đáo và tuyệt vời hai xu hướng bạo động và cải cách của phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX. Tuy trên danh nghĩa là một trường học, hoạt động công khai hợp pháp theo xu hướng cải cách nhưng “*thực chất, nó đóng vai trò là một tổ chức cách mạng do các sĩ phu yêu nước tiến bộ tổ chức để hưởng ứng mạnh mẽ cuộc vận động cứu nước do Phan Bội Châu và Duy Tân hội phát động*”²².

Cuộc Duy tân ở Trung kỳ, trong số những người lãnh đạo phong trào theo xu hướng cải cách như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Phan Thúc Duyện, Ngô Đức Kế,... còn có những người chịu ảnh hưởng từ đường nét và phương pháp đấu tranh theo xu hướng bạo động của Phan Bội Châu như Nguyễn Văn Ngôn, Nguyễn Đình Kiên, Lê Văn Huân,... Hoạt động của họ chú trọng vào việc vận động tuyên truyền binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp, bí mật liên lạc với nghĩa quân Yên Thế để phối hợp hành động,...²³.

Về cuộc kháng thuế ở Trung kỳ năm 1908, theo Huỳnh Thúc Kháng, một chứng nhân lịch sử và cũng là *Sử gia của phong trào Duy tân* thì sự bùng phát của phong trào đó là do sự ảnh hưởng của cả Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu, thủ lĩnh của hai xu hướng bạo động và cải lương, từ các hoạt động yêu nước của họ.

Những phân tích trên cho thấy, đã có sự gặp gỡ giữa hai xu hướng bạo động và cải cách trong các hoạt động yêu nước của sĩ phu Việt Nam đầu thế kỷ

²² Đinh Xuân Lâm (Cb, 2003), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 2, Sdd, tr. 168.

²³ Theo Lê Hữu Phước (2008), “Phong trào Duy tân và Kháng thuế trong bối cảnh vận động giải phóng dân tộc ở Việt Nam đầu thế kỷ XX”, Tọa đàm khoa học *Kỷ niệm 100 năm cuộc vận động Duy tân và phong trào Chống sưu thuế ở Trung kỳ (1908 - 2008)*, Tp. HCM, tr. 11.

XX. Và “đây cũng là đặc điểm phổ biến của các tổ chức và phong trào yêu nước ở Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến trước Chiến tranh thế giới lần thứ nhất – trong đó có cả Duy Tân hội, Phong trào Đông du, Đông Kinh nghĩa thực”²⁴.

• *Tinh thần dân tộc – Điểm gặp nhau của sĩ phu và trí thức Tây học trong phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX*

Tiếp nối truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc cũng như của sĩ phu ngày trước, nhất là tinh thần kháng Pháp vào những năm cuối thế kỷ XIX vẫn còn bùng bùng khí thế trong giới sĩ phu nước nhà, những sĩ phu Việt Nam đầu thế kỷ XX, trong điều kiện lịch sử mới đã tìm ra hướng đi mới trong phong trào yêu nước. Bên cạnh các phong trào đấu tranh vũ trang truyền thống, các sĩ phu đầu thế kỷ XX đã phát động các phong trào Đông du, Duy tân cải cách cả về tư tưởng, văn hóa, giáo dục,... nhằm tạo nên những chuyển biến to lớn trong xã hội Việt Nam, tìm ra những nội lực mới cho công cuộc giải phóng dân tộc.

Với những trí thức Tây học, mặc dù được đào tạo dưới các trường học của thực dân Pháp với mục đích là đào tạo nên những quan cai trị thuộc địa và những nhân viên thừa hành, nhưng không phải tất cả họ đều trở thành những người phục vụ cho chế độ thực dân. Một bộ phận những người Việt Nam trong các trường học này vốn mang trong mình những truyền thống quý báu của dân tộc, trong đó nổi bật là truyền thống yêu nước đã được hun đúc từ ngàn xưa, nhất là các phong trào đấu tranh chống Pháp đã và đang diễn ra rất sôi nổi lúc bấy giờ. Một số trí thức Việt Nam được đào tạo từ các trường Tây như Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học, Trần Chánh Chiểu,... đã tham gia tích cực vào phong trào yêu nước vào những năm đầu thế kỷ XX.

* *Với phong trào Đông du và Duy tân*

Ngay sau khi phát động, phong trào Đông du đã nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân, trong đó có cả những nhà buôn và trí thức Tây học, đặc biệt là ở Nam kỳ.

Những nhân sĩ Nam kỳ hưởng ứng nhiệt thành phong trào Đông du như Nguyễn Thần Hiến, Trần Chánh Chiểu, Nguyễn Quang Diêu, Đặng Thúc Liêng,... Trong đó có Trần Chánh Chiểu xuất thân là một trí thức Tây học, ông hưởng ứng và giúp đỡ cho nhiều du học sinh sang Nhật học trong đó có con trai ông là Jules Trần Chánh Tiết. Nguyễn Thần Hiến, một trong số những người hưởng ứng mạnh mẽ nhất cho phong trào Đông du ở Nam kỳ. Ông vận động thành lập *Khuyến du học hội* để vận động thanh niên Nam kỳ sang Nhật học, tổ chức và móc nối nhiều cơ sở yêu nước ở Nam kỳ như Bùi Chí Nhuận (Long An), Đặng Thúc Liêng (Gia Định), Ngô Trung Tín (Trà Vinh), Huỳnh Văn Nghị (Vĩnh Long), Trần Chánh Chiểu (Sài Gòn), Nguyễn Quang Diêu (Cao Lãnh),... Ông đóng góp tài chính lớn cho phong trào (khoảng 20.000 đồng Đông Dương, thời giá năm 1905 - 1908).

Trần Chánh Chiểu vận động phong trào Minh tân ở Nam kỳ đóng góp kinh phí phục vụ cho hoạt động của phong trào Đông du; góp phần đáng kể cho sự phát triển công thương nghiệp, chống lại sự độc quyền của tư sản Pháp và tư sản ngoại kiều, hòa vào phong trào cải cách văn hóa, xã hội, chấn hưng thực nghiệp do sĩ phu và tư sản người Việt phát động.

Khi phát động phong trào Minh tân, Trần Chánh Chiểu làm Tổng lý Nam Trung khách sạn ở Sài Gòn. Ông cho tổ chức ngay trong khách sạn một ban chuyên đón tiếp và hướng dẫn cho đồng bào xuất dương du học. Tại Minh Tân khách sạn ở Mỹ Tho, ngoài các dịch vụ nhà hàng, khách sạn, ở đây còn mở các cửa hiệu bán các mặt hàng cao cấp do người Việt sản xuất hay nhập từ nước ngoài.

Trần Chánh Chiểu và Huỳnh Đình Diên còn tổ chức các buổi diễn thuyết với các đề tài tiến bộ, tân dân,... và mở phòng tư vấn pháp luật cho đồng bào

²⁴ Lê Hữu Phước (2008), “Phong trào Duy tân và Kháng thuế trong bối cảnh vận động giải phóng dân tộc ở Việt Nam đầu thế kỷ XX”, Bdd, tr. 12.

khi có khiêu kiện²⁵. Trần Chánh Chiêu còn vận động một số nhà buôn, thân hào, nhân sĩ Nam kỳ thành lập Minh Tân công nghệ xã (1908) để kinh doanh diêm, xà phòng,... Đây thực chất là một hội công thương nghiệp của giới làm ăn người Việt nhằm cụ thể hóa những hô hào hợp quần sản xuất, kinh doanh của những sĩ phu, tư sản, trí thức yêu nước trong phong trào cải cách kinh tế, chính trị, văn hóa – tư tưởng sâu rộng trong xã hội Việt Nam vào đầu thế kỷ XX. Minh Tân công nghệ xã còn tổ chức dạy nghề cho con em của những người tham gia hùn vốn. Ngoài ra, phong trào Minh tân ở Nam kỳ còn thành lập nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh khác như Minh Tân Túc Mễ tổng cuộc (Mỹ Tho), Y được Công ty, Hội Tương tế Giáo viên (Gò Công), Tân Hóa thương cuộc (Chợ Gạo),... Cùng với các hoạt động hăng hái của Trần Chánh Chiêu, Nguyễn An Khương cũng thành lập Chiêu Nam Lâu ở Sài Gòn, tự xưng là “Chú bán cơm” để đi vào buôn bán, cạnh tranh với tư sản Hoa kiều.

Cùng với các hoạt động Minh tân rất sôi nổi ở Nam kỳ, phong trào Duy tân do các sĩ phu cấp tiến phát động ở Trung kỳ đã diễn ra rất sôi nổi. Cũng lập hội buôn, xây dựng nông trang, đặc biệt là phong trào tân học. Từ Phú Lâm (Tiền Phước, Quảng Nam), mô hình trường tư tân học nhân rộng ra khắp nơi trong và ngoài tỉnh. Chính Trần Quý Cáp với cương vị Giáo thọ phủ Thăng Bình, đã làm một cuộc cách mạng giáo dục, hợp pháp hóa chủ trương dạy chữ quốc ngữ, truyền bá tân học của nhà nước bảo hộ. “*Vừa đến nơi, tiên sinh mở lớp Tây học ngay trong trường giáo, rước thầy về dạy chữ Pháp và chữ quốc ngữ, học trò xa gần đến nơi học có hơn đôi trăm người. Tiên sinh lại thường vào trong dân gian để diễn thuyết cực lực bài xích lối học khoa cử và đề xướng tân học*”²⁶, biến ngôi

trường của chính quyền theo lối học khoa cử thành ngôi trường lớn của Duy tân mang tinh thần đổi mới, tiến bộ. Năm 1905, sau chuyến Nam du của “Quảng Nam tam kiệt”, ở Phan Thiết Công ty Liên Thành và trường Dục Thanh thành lập mà những sáng lập viên gồm cả trí thức cũ lẫn mới,... Tuy tồn tại không lâu nhưng phong trào tân học ở Trung kỳ đã tạo được một tiền đề quan trọng cho sự hình thành tầng lớp trí thức mới của nước nhà. Phong trào tân học lan rộng ra khắp cả nước mà đỉnh cao là Đông Kinh nghĩa thực ở Hà Nội. Như đã nói trên, xuất phát từ mục tiêu của mình mà Đông Kinh nghĩa thực đã tập hợp được một đội ngũ trí thức đông đảo cả cũ lẫn mới: Cụ cử Lương Văn Can làm Thực trưởng, Huấn đạo Lạng Sơn Nguyễn Quyền từ chức để làm Giám học; nhiều nhà nho thức thời, tiên tiến nhiệt tình tham gia sáng lập trường và giảng dạy như Lương Trúc Đàm, Nguyễn Hữu Cầu, Lê Đại,... Có người đã đỗ đại khoa như Đình nguyên Hoàng giáp Đào Nguyên Phổ, Tiến sĩ Nghiêm Xuân Quảng, Phó bảng Hoàng Tăng Bí; có người còn rất trẻ như Cử nhân Dương Bá Trạc,... Lực lượng trí thức Tây học tham gia ngày càng nhiều: Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Duy Tồn, Nguyễn Bá Học,... ngoài ra còn có ba vị nữ giáo sư: Nguyễn Thị Diễm (con nhà nho Nguyễn Huy Đức), Lương Thị Tín (ái nữ của Lương Văn Can) và nữ giáo sư con cụ Nguyễn Cớ làng Mọc. Trong số các thành viên của Ban sáng lập Đông Kinh nghĩa thực có Nguyễn Văn Vĩnh, một trí thức Tây học có uy tín²⁷. Ngoài việc kết giao với nhiều sĩ phu như Phan Kế Bính, Nguyễn Đỗ Mục, Hoàng Tăng Bí, Dương Phụng Dục,... và trí thức Tây học yêu nước như Phạm Duy Tồn, Nguyễn Văn Tồn, Nguyễn Văn Tố,... thì “*việc kết giao với nhà cách mạng Phan Châu Trinh đã khích lệ Nguyễn Văn Vĩnh dốc hết sức lực vào việc tạo dựng nền văn hóa Việt Nam, coi đó là nền tảng thực hiện lý tưởng cách mạng và*

²⁵ Trương Ngọc Tường, *Trí thức Mỹ Tho và phong trào Minh Tân*, In trong Nhiều tác giả (2007), *Phong trào Đông Du ở miền Nam*, Tập chí *Xưa và Nay*, Nxb. Văn hóa Sài Gòn, Tp. HCM, tr. 46.

²⁶ Trần Huỳnh Sách trong Cuộc đời và hoạt động của chí sĩ Trần Quý Cáp.

²⁷ Nguyễn Văn Vĩnh từng tốt nghiệp trường Thông ngôn của Pháp, rồi làm thư ký cho tòa sứ của một số tỉnh Bắc kỳ, ông cũng từng sang Pháp dự hội chợ Đầu xảo Marseille năm 1906, sau về nước làm nghề báo và hoạt động chính trị.

là tôn chỉ của Đông Kinh nghĩa thực: khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”²⁸ mà sau này Nguyễn Văn Vĩnh cũng đã từng nhắc lại sự ủng hộ của Phan Châu Trinh đối với ông²⁹. Một số trí thức Tây học như Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học, Đỗ Thận,... đã tham gia vào Ban giảng dạy và các hoạt động diễn thuyết, bình văn của Đông Kinh nghĩa thực. Khi Đông Kinh nghĩa thực bị đóng cửa (12.1907), một số trí thức Tây học đã tích cực tìm cách xin phép mở lại trường lớp.

** Trong hoạt động của Hội Trí Tri*

Nhiều trí thức Tây học tham gia các hoạt động của Đông Kinh nghĩa thực là thành viên của Hội Trí Tri³⁰. Hội do những người tốt nghiệp các trường Pháp, đặc biệt là trường Thông ngôn, thành lập ngày 1.4.1892 tại Hà Nội. Hội Trí Tri thành lập với mục đích giao lưu, học thêm tiếng Pháp để hoàn thành công việc được giao trong các ban sở của bộ máy thuộc địa; góp phần vào việc nghiên cứu và quảng bá cho lịch sử, văn hóa và văn học Việt Nam. Hội Trí Tri còn tổ chức các lớp dạy học cho người lớn và trẻ em từ năm 1896, trong đó có một số lớp dạy quốc ngữ và tiếng Pháp miễn phí và có thể nói “*Trí Tri là trường tiểu học Pháp Việt tư thực đầu tiên ở Hà Nội*”. Bên cạnh các lớp học, vào giai đoạn Duy tân, nhất là những năm 1906 - 1907, Trí Tri tổ chức các buổi diễn thuyết và bình sách về các vấn đề xã hội. Họ lập ra một Ban chỉ đạo tổ chức “diễn thuyết” và “giảng sách” hàng tuần do Nguyễn Văn Vĩnh làm Chủ tịch. Các thành viên của Trí Tri rất có ý thức về việc truyền bá tư tưởng Duy tân. Họ không chỉ giới hạn hoạt động của mình vào việc dạy

chữ, mà còn quan tâm đến các vấn đề chính trị xã hội. Năm 1907, Tập san *Viện Viễn Đông Bác Cổ* cho biết, “*hình như trong các cuộc họp, nội dung bàn bạc chuyển dần từ các vấn đề sự phạm sang các vấn đề chính trị*”. Điều đó cho thấy, trong xã hội Việt Nam lúc bấy giờ (năm 1907), giữa các nhà nho và một số đại diện giới tân học, đã có sự đồng tâm nhất trí hướng về cùng một mục đích “khai dân trí, chấn dân khí” cho đồng bào trong nước. Có thể nói, Trí Tri cũng như Đông Kinh nghĩa thực, cùng theo đuổi một chí hướng và cùng góp sức vào việc canh tân đất nước. Sau khi Đông Kinh nghĩa thực bị dập tắt, Trí Tri đã tiếp tục sự nghiệp này cho đến ngày đất nước độc lập³¹.

** Trong hoạt động báo chí*

Trên lĩnh vực báo chí đã có sự tham gia, cộng tác giữa hai thế hệ trí thức Việt Nam. Ảnh hưởng của phong trào Minh tân ở Nam kỳ ngày càng được khuếch trương mạnh mẽ nhờ các hoạt động báo chí. Đây là hoạt động thu hút sự tham gia đông đảo của những trí thức Tây học nhờ trình độ chuyên môn và sự thạo nghề của họ trên lĩnh vực báo chí. *Nông Cổ mín đàm* là một tờ báo quốc ngữ chuyên về kinh tế đầu tiên của Nam kỳ. Với vai trò là người phụ trách mục *Thương cổ luận* – chuyên mục quan trọng nhất của tờ báo, Lương Khắc Ninh³² đã cùng với Trần Chánh Chiêu cổ động cho phong trào Minh tân bằng việc khuếch trương thương mại, cổ vũ đi vào thương trường, cổ súy cho giới chủ và thương gia người Việt đang hình thành, cạnh tranh kinh tế với thương nhân Hoa kiều và ngoại kiều khác ở Nam kỳ. Ngay số đầu tiên ở mục *Thương cổ luận* (Bàn

²⁸ Nhiều tác giả (2008), 100 năm Đông Kinh nghĩa thực, Sdd, tr. 371.

²⁹ Nguyễn Lân Bình, “Nguyễn Văn Vĩnh với Đông Kinh nghĩa thực”, In trong Nhiều tác giả (2008), *100 năm Đông Kinh nghĩa thực*, Nxb. Trí thức, Hà Nội, tr. 371, 373.

³⁰ Hội Trí Tri (*La Société d'Enseignement Mutuel du Tonkin*) là một hiệp hội dân lập với chủ trương quảng bá Tây học gồm các đề tài khoa học như vệ sinh, phong tục, cùng các kiến thức mới lạ đến trí thức Việt Nam từ năm 1892 đến 1945. Tên của Hội được lấy từ sách *Đại học*, một trong Tứ thư của Nho giáo. Trong sách đó có câu: *tiên trí kỳ tri, trí tri, tại cách vật*, có nghĩa: “Trước hết để biết, biết tường tận là do biết nguyên lý sự vật”, ám chỉ sự học hỏi dựa vào khoa học.

³¹ Nguyễn Phương Ngọc (2008), “Tư tưởng Duy Tân trong giới tân học vào thập niên đầu thế kỷ XX: trường hợp hội Trí Tri (1892 - 1946)”, trong *Đổi mới giáo dục đại học Việt Nam, hai thời khắc đầu thế kỷ*. Trường ĐH Hoa Sen và Nxb. Văn hóa Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 50 - 66.

³² Lương Khắc Ninh là một trí thức Tây học, từng tốt nghiệp trung học tại trường Le Myre De Vilers (Mỹ Tho), làm việc tại sở Thương chánh Bến Tre, thông ngôn tòa án Bến Tre, từng làm thành viên Hội đồng quản hạt Bến Tre. Năm 1900, bỏ lên Sài Gòn viết báo, sau làm chủ bút tờ *Nông Cổ mín đàm* ra ngày 1.8.1901 do ông Canavaggio (người Pháp, Ủy viên Hội đồng Quản hạt) làm giám đốc. Từ số 260 (9.10.1906), Trần Chánh Chiêu làm chủ bút cho đến ngày 26.5.1908).

luận về nghề buôn bán), báo đã có lời khẳng định: *Sự đại thương là đệ nhất cách giúp cho dân phú quốc cường*. GS. Trần Văn Giàu đánh giá: “*Nông Cổ mìn đàm (Trong chén trà bàn chuyện nông thương) là một tờ báo chữ Quốc ngữ đáng để ý nhất lúc này. Báo sống từ 1901 đến 1924. Một thời, báo đăng nhiều bài tiến bộ, có ít nhiều ý thức về vai trò văn hóa và tư tưởng của một cơ quan ngôn luận. Chính nó đã đăng những bài đầu tiên ở Nam Kỳ, cũng là ở cả nước, về “duy tân”, “minh tân”... Ý thức tư sản bản xứ đã nổi bật lên trong loạt bài “Thương cổ thiệt luận” (từ số 168 đến số 183)”...³³.*

Lúc đang là chủ bút *Nông Cổ mìn đàm*, từ ngày 14.11.1907, Trần Chánh Chiêu còn làm chủ bút tờ *Lục Tinh tân văn* (cho đến khi bị Pháp bắt vào tháng 10.1908). Trong giai đoạn này, tờ báo đã thể hiện rõ khuynh hướng tiến bộ của mình, là tiếng nói của cuộc vận động Minh tân hướng theo cuộc Duy tân sâu rộng trên cả nước. *Lục Tinh tân văn* là tờ báo cổ vũ cho việc khai dân trí, chấn dân khí, hợp quần kinh doanh của giới chủ, nhà buôn người Việt chống lại sự độc quyền của tư bản Pháp, cạnh tranh với tư sản ngoại kiều.

Nông Cổ mìn đàm và *Lục Tinh tân văn* đã tập hợp được một lực lượng trí thức đông đảo cả Hán học lẫn Tây học như Đặng Thúc Liêng, Trương Duy Toàn, Lâm Thiên Tích, Trần Phong Sắc, Lê Hoằng Mưu,... Tờ *Phụ nữ tân văn*³⁴ bấy giờ cũng là nơi tụ họp của đội ngũ trí thức Bắc Trung Nam, trong đó có cả cựu lẫn tân như Phan Khôi, bà Nguyễn Đức Nhuận, Đào Trinh Nhất, Bửu Đình, Thượng Tân Thị, Sương Nguyệt Anh, Nguyễn Thị Kiêm, bà Phan Văn Gia, Bùi Thị Út,...

Bên cạnh những hoạt động trong Đông Kinh nghĩa thực, Nguyễn Văn Vĩnh cùng một số trí thức Tây học hoạt động khá nổi bật trong *Đăng Cổ tùng báo*³⁵. Nếu tờ *Đại Nam Đồng Văn nhật báo* in hoàn toàn bằng chữ Hán thì tờ *Đăng Cổ tùng báo* có cả chữ quốc ngữ, in từng trang xen kẽ với chữ Hán. Trong đó phần chữ quốc ngữ do Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ bút, phần chữ Hán do Đào Nguyên Phổ làm chủ bút. *Đăng Cổ tùng báo* ra đời trong không khí đấu tranh sôi nổi trên mặt trận văn hóa tư tưởng ở Hà Nội, những chủ bút, cộng tác viên của tờ báo là những người tham gia nhiều hoạt động của Đông Kinh nghĩa thực như giảng dạy, bình văn, diễn thuyết,... Các nhà sáng lập của Đông Kinh nghĩa thực đã khéo léo nắm lấy tờ báo, biến *Đăng Cổ tùng báo* thành cơ quan ngôn luận của phong trào, nhiều thơ văn yêu nước của phong trào cũng đã được đăng tải trên tờ báo này. Chính vì vậy mà khi Đông Kinh nghĩa thực bị đóng cửa thì *Đăng Cổ tùng báo* cũng bị nhà cầm quyền Pháp đình bản. Cùng với Đông Kinh nghĩa thực và những hoạt động tiến bộ của Hội Trí Tri, tờ *Đăng Cổ tùng báo* cũng là biểu hiện sinh động cho mối liên hệ của những sĩ phu Nho học và trí thức Tây học trong cuộc vận động cải cách văn hóa tư tưởng sâu rộng trong phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Điều đáng lưu ý, sau vụ biến ở Trung kỳ năm 1908, nhiều chí sĩ yêu nước bị Pháp bắt đày ra Côn Đảo, khi trở về họ lao hoạt động báo chí rất sôi nổi, dùng báo chí để chuyển tải những tư tưởng tiến bộ đến với dân chúng, tiêu biểu như trường hợp Huỳnh Thúc Kháng với báo *Tiếng Dân*³⁶. Báo chí thực sự trở thành một vũ khí sắc bén trong cuộc đấu tranh

³³ Trần Văn Giàu (Cb, 1987), *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh* (Tập I). Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, tr. 263.

³⁴ *Phụ nữ tân văn* là tờ báo của phụ nữ. Trước đó, tờ *Nữ giới chung* của một người Pháp tên là Henri Blaquiére, giao cho Sương Nguyệt Anh, con gái Nguyễn Đình Chiểu làm chủ bút, nhưng không tồn tại lâu (1.2.1918 đến 19.7.1918). *Phụ nữ tân văn* là một tuần báo ra ngày thứ năm, đề cập đến những vấn đề liên quan đến phụ nữ, vai trò và trách nhiệm của phụ nữ trong xã hội. Số đầu tiên ra ngày 2.5.1929 tại Sài Gòn, và bị đình bản ngày 20.12.1939.

³⁵ *Đăng cổ tùng báo* do Schneider, một người Pháp gốc Đức đứng tên sáng lập với hai cây bút chủ công là Đào Nguyên Phổ và Hàn Thái Dương, bắt đầu từ số 793 ngày 28.3.1907, đình bản ngày 14.11.1907. *Đăng cổ tùng báo* là sự tiếp nối của tờ *Đại Nam Đồng Văn nhật báo* – tờ báo chữ Hán ra đời năm 1891.

³⁶ Báo *Tiếng Dân* – tờ báo quốc ngữ đầu tiên ở Trung kỳ do Huỳnh Thúc Kháng làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút ra mắt bạn đọc ngày 10.8.1927. Gần 16 năm tồn tại, Báo *Tiếng Dân* là cơ quan phản ánh tiếng nói của dân, bênh vực quyền lợi chính đáng của dân; là một trong những cơ quan ngôn luận có uy tín hàng đầu ở miền Trung và cả nước.

giải phóng dân tộc. Sự tiến bộ về mặt tư tưởng và nhân cách cao lớn của các bậc chí sĩ đã có tác dụng thu hút, tập hợp lực lượng trí thức trẻ bước vào con đường đấu tranh cách mạng, góp phần vào công cuộc giải phóng quê hương.

• *Sự chuyển giao thế hệ*

Nghiên cứu ảnh hưởng của tân văn, tân thư đối với Việt Nam, chúng ta dễ dàng nhận ra rằng, nó không chỉ gây ấn tượng sâu sắc, tạo một bước ngoặt to lớn trong nhận thức của các sĩ phu đã trưởng thành vào đầu thế kỷ XX mà còn gây những dấu ấn sâu đậm đối với lớp trí thức sinh ra vào đầu thế kỷ XX, tiếp xúc Nho học giai đoạn cuối cùng và là thế hệ đầu tiên sử dụng Tây học như Trần Huy Liệu, Đào Duy Anh, Đặng Thai Mai,... Trần Huy Liệu đã viết một đoạn hồi ký “*Lương Khải Siêu trong quá trình tư tưởng của tôi*” thuật lại ảnh hưởng của Lương Khải Siêu trong quá trình chuyển biến tư tưởng của mình. Trong bài viết đó, ông kể lại việc lần đầu tiên ông đọc tác phẩm *Việt Nam vong quốc sử* của Phan Bội Châu trên tờ *Tân Dân từng báo* do Lương Khải Siêu làm chủ nhiệm, qua đó đã gây nên ở ông “*sự kích thích mãnh liệt*” làm cho ông “*sớm trở thành một thi sĩ ái quốc*”. Năm 1927, ông lập ra *Cường Học thư xã* phỏng theo Cường Học hội của Lương Khải Siêu. Còn với Đặng Thai Mai, trong thư viện riêng của Đặng gia thì “*hấp dẫn mới lạ hơn cả vẫn là Tân thư của Trung Quốc*”³⁷.

“Cường học thư xã” đã tác động đến lớp trí thức Tây học lúc bấy giờ, giúp họ giác ngộ yêu nước rồi dần thân vào con đường cách mạng cứu nước cứu dân. Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể lại: “*Năm 11 - 15 tuổi, khi học ở trường Quốc học Huế, tôi đã được đọc nhiều thơ văn yêu nước của Nguyễn Ái Quốc, Phan Bội Châu và cũng chính lúc đó tôi đọc sách của “Cường học thư xã” của Trần Huy Liệu, trong đó có cuốn “Một bầu tâm sự”. Cuốn sách*

được viết một cách sôi nổi, nhiệt tình. Tôi được giác ngộ yêu nước từ đó”³⁸.

Vai trò của các sĩ phu cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đối với thế hệ trưởng thành vào những thập niên đầu thế kỷ XX là hết sức quan trọng. Từ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thành, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Thượng Hiền, Lương Văn Can, Phan Khôi,... đã tạo ra một thế hệ thanh niên yêu nước nhiệt thành, hoạt động năng nổ trên nhiều lĩnh vực, dám đương đầu với chủ nghĩa thực dân, đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc như Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính, Trần Huy Liệu, Nguyễn An Ninh, Nguyễn Khánh Toàn, Bùi Công Trừng, Tôn Quang Phiệt, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Phạm Hồng Thái, Trần Phú, Hà Huy Tập, Nguyễn Đức Cảnh, Đặng Xuân Khu, Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Phong Sắc, Châu Văn Liêm, Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Tạo, Trần Văn Giàu,...

Có người ở miền Bắc, miền Trung, có người ở Nam bộ, tất cả đều chịu ảnh hưởng của tư tưởng mới từ các bậc tiền bối trong phong trào Đông du, Duy tân. Nhiều người trong số họ bước ra từ nền Nho học rồi tiếp tục con đường học vấn bằng chương trình Pháp – Việt để trở thành trí thức Tây học; cũng có người đi theo Tây học ngay từ đầu. Tuy nhiên, tất cả gặp nhau ở tâm tư của người dân mất nước để rồi, mỗi người mỗi hướng loay hoay tìm con đường cứu nước. Có vị trở thành người sáng lập chính đảng tư sản như Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính (Việt Nam Quốc dân đảng); Trần Phú, Hà Huy Tập, Tôn Quang Phiệt, Đặng Thai Mai,... (Tân Việt Cách mạng đảng); Nguyễn An Ninh (Thanh niên cao vọng đảng);... Nguyễn Ái Quốc “Tây du” tìm đường cứu nước để rồi thành lập nên Việt Nam Cách mạng Thanh niên, tiền thân

³⁷ Phan Cự Đệ (sưu tầm, giới thiệu, 1978), *Đặng Thai Mai – tác phẩm*, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr. 6.

³⁸ Văn Tạo lược lời phát biểu của Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhân Lễ kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh của Trần Huy Liệu (5.11.1991) tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam (chưa được Đại tướng duyệt lại), trích trong bài *Giáo sư Trần Huy Liệu, Trưởng Ban Văn Sử Địa – Tổ chức tiền thân của Viện Khoa học xã hội Việt Nam*, Kỷ yếu hội thảo *Trần Huy Liệu – Cuộc đời và sự nghiệp Sử học*, Tp. Hồ Chí Minh, tháng 12.2011, tr. 2 - 3.

của Đảng Cộng sản Việt Nam; nhiều người đã vượt qua sự hạn chế của ý thức hệ tư sản, đến với chủ nghĩa cộng sản và trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Hầu hết những hội viên của Việt Nam Cách mạng Thanh niên được Nguyễn Ái Quốc bồi dưỡng nhanh chóng trưởng thành, đa số trở thành cán bộ lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam.

Giữa hai thế hệ trí thức nước ta (cũ và mới) có sự bổ khuyết cho nhau để càng về sau, những người Việt Nam yêu nước và cách mạng càng hội đủ những yếu tố cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu lịch sử đặt ra: Độc lập dân tộc và phát triển đất nước. Nguyễn Khắc Viện khi *Bàn về đạo Nho* đã có sự so sánh rất thú vị. Ông cho rằng, “*Nho sĩ không biết thế nào là một con người khoa học; còn chúng tôi thì không biết thế nào là một con người chính nghĩa*”³⁹. Ông thừa nhận: “*Chúng tôi, những trí thức Việt Nam tốt nghiệp ở trường Đại học Hà Nội hay ở Pháp về trong thời kỳ thuộc địa, được học những điều mà nho sĩ không biết đến như vật lý, đại số, sinh vật học; chế độ bầu cử, thiết chế cộng hòa. Nhưng so với một số nhà nho mà chúng tôi còn tiếp xúc, chúng tôi vẫn cảm thấy mình thiếu một cái gì.*

Kiến thức của nhà nho so với chúng tôi còn bị hạn chế nhiều, nhưng họ là những “Con người”, những “Cây tre” mọc thẳng, những “cây thông” đứng vững trong gió rét. Chúng tôi thì chỉ là những túi kiến thức, những cây sậy sẵn sàng rạp mình trước gió nhẹ, mà khi gian khổ không thể tin cậy được”⁴⁰. Nhất là khi đề cập đến tầng lớp thanh niên trí thức theo lý tưởng cách mạng vô sản, ông càng khẳng định rõ mối quan hệ giữa hai thế hệ cũ và mới, ông viết: “*những chiến sĩ Mác-xít đã kế tục truyền thống của các nho sĩ cách mạng thời xưa, nhưng đã đưa cuộc đấu tranh nhân dân lên một mức độ cao hơn, và mở ra những triển vọng hoàn toàn mới. (...) Giữa những người Mác-xít và nho sĩ*

chân chính, không phải chỉ có sự đồng nhất về mục tiêu chính trị mà còn có sự gần gũi trên lĩnh vực tư tưởng khiến họ gần gũi nhau, và có khi tạo nên sự nhảy vọt về tư tưởng”⁴¹.

Và cuối cùng, Nguyễn Khắc Viện cũng bộc bạch rằng, “*Cái “phận” của tôi được may mắn hơn thầy tôi: sinh sau lúc đạo nho đã cùng đường lịch sử, nhưng truyền thống đạo lý còn đó, và lúc nước nhà đã sang trang lịch sử, mở cho những nho sĩ ngày nay những con đường mới, giúp cho trở thành những kẻ sĩ hiện đại*”⁴².

Rõ ràng lịch sử Việt Nam đầu thế kỷ XX đã chứng kiến một cuộc bàn giao thế hệ giữa sĩ phu Nho học và trí thức Tây học với hai nội dung cơ bản, một là truyền lửa, hai là sự kế thừa, sự kế thừa ngay trong bản thân các sĩ phu cấp tiến ở hai thời đoạn lịch sử và sự kế thừa của hai thế hệ thanh niên yêu nước Việt Nam. Tất cả họ đã chung tay khơi lại dòng chảy trong lịch sử tư tưởng nước nhà.

3. Lời kết

Dẫu có muộn, song lịch sử vẫn phải vận hành theo quy luật tất yếu của nó, không thể thụt lùi, lại càng không thể đứng yên. Lịch sử cận đại không thể tồn tại và phát triển trên nền tảng đạo đức thuần túy của đạo Nho mà cần có tri thức khoa học và sự phê phán. Nền giáo dục mới do Pháp xây dựng, khách quan đã tạo điều kiện cho một bộ phận sĩ phu đến với Tây học. Mặt khác, những sĩ phu yêu nước và cấp tiến đã nắm bắt cơ hội để triển khai tinh thần “khai dân trí” nhằm “chấn dân khí” và “hậu dân sinh”. Chính họ là những người đã đi tiên phong trong cuộc cách mạng văn hóa tư tưởng ở nước ta đầu thế kỷ XX, tấn công mạnh mẽ vào thành trì, lề lối phong kiến đã lỗi thời, đang kìm hãm sự phát triển của xã hội; tạo ra những chuyển biến mới trong nhận thức tư tưởng và hình thái đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam chuyển hướng mạnh mẽ từ hệ tư tưởng phong kiến sang hệ tư tưởng dân chủ tư sản, làm dấy lên sức mạnh tiềm

³⁹ Nguyễn Khắc Viện (1998), *Bàn về đạo Nho*, Trần văn Quý chú giải, Nxb. Trẻ, tr. 52.
⁴⁰ Nguyễn Khắc Viện (1998), *Bàn về đạo Nho*, Sđd, tr. 51.

⁴¹ Nguyễn Khắc Viện (1998), *Bàn về đạo Nho*, Sđd, tr. 57.
⁴² Nguyễn Khắc Viện (1998), *Bàn về đạo Nho*, Sđd, tr. 93.

tầng của dân tộc theo xu hướng tiến bộ của thời đại lúc bấy giờ. Quả là một bước tiến vượt bậc trong nhận thức và thái độ của các sĩ phu, một sự kết hợp các giá trị văn hóa truyền thống với các yếu tố tiến bộ của thời đại trong một điều kiện lịch sử hết sức đặc biệt.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, sự gặp gỡ giữa hai thể hệ trí thức Việt Nam đã diễn ra và những sĩ phu yêu nước đầu thế kỷ XX đã thổi cái hồn dân tộc vào giới trí thức tân thời, giúp họ có được bản lĩnh để nhận lãnh sứ mệnh dân tộc: làm phá sản ý đồ cai trị thực dân; đưa dân tộc Việt Nam thoát vòng nô lệ.

The connection between the Confucian literates and the Western-educated intelligentsia in patriotic movements in Vietnam and their generation transfer in the early 20th Century

- **Tran Thuan**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

- **Huynh Trung Kien**

Culture and Art Publisher of Ho Chi Minh City

ABSTRACT:

At the end of the 19th century when anti-French movements failed and saving-the-country ideology in Vietnam reached an impasse, “tan thu” (New Books) and “tan van” (New Literature) from China and Japan were introduced to and actively adopted by patriotic literates. New ideology from these documents led to tremendous changes in the literates’ thoughts. Hitherto, they chose to follow the path of Japan in their Meiji Restoration and that of Western capitalist democracy.

Patriotic movements in the early 20th century organized and led by the literates separated themselves into two trends: violent and renovative orientations with the leadership of Phan Boi Chau and Phan Chau Trinh

respectively. However, the two orientations had a commonality in their patriotic activities which made possible for the Confucian literates and the Western-educated intelligentsia to meet and cooperate.

The connection between the literates and the intelligentsia manifested itself clearly in Dong Du movement, Duy Tan movement, proactive activities of newspapers and activities of Tri Tri Societies. They all commonly attempted at solving historical needs which faced the country at that time: Independence and Development.

That the encounter between the two groups was simultaneously a transfer among the generations was a very special historical phenomenon. It manifested the inevitable

transformations of history and thus obeyed objective rules. It also created prerequisites for the development of nationalist democratic movements in the early 20th century which put the proletariats onto political stage to successfully solve the historical needs in Vietnam.

Keywords: Confucian literates, Western-educated intelligentsia, transfer among the generations

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Phan Bội Châu toàn tập, tập 2, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1990.

[2]. Phan Trọng Báu (2006), *Giáo dục Việt Nam thời cận đại*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

[3]. Mai Cao Chương, Đoàn Lê Giang (1995), *Nguyễn Lộ Trạch – điều trần và thơ văn*, Nxb. Khoa học xã hội.

[4]. Nguyễn Văn Dương (2006), *Tuyển tập Phan Châu Trinh*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội (In lần thứ hai).

[5]. Phan Cự Đệ (sưu tầm, giới thiệu, 1978), *Đặng Thai Mai – tác phẩm*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

[6]. Trần Văn Giàu (Cb, 1987), *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh* (Tập I). Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.

[7]. Trần Văn Giàu (1993), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, Tập 2: *Hệ ý thức tư sản và sự bất lực của nó trước các nhiệm vụ lịch sử*, Nxb. Tp Hồ Chí Minh.

[8]. Lý Tùng Hiếu (2005), *Lương Văn Can và phong trào Duy Tân – Đông Du*, Nxb. Văn hóa Sài Gòn, Tp. HCM.

[9]. Hội KHLS Tp. HCM, *Trần Huy Liệu – Cuộc đời và sự nghiệp Sử học*, Kỷ yếu hội thảo, Tp. HCM, 2011.

[10]. Đỗ Quang Hưng (Cb, 2000), *Lịch sử báo chí Việt Nam 1865 - 1945*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

[11]. Huỳnh Thúc Kháng (2000), *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.

[12]. Nguyễn Tiến Lực (2010), *Minh Trị Duy tân và Việt Nam*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[13]. Nhiều tác giả (2007), *Phong trào Đông Du ở miền Nam*, Tạp chí Xưa và Nay, Nxb. Văn hóa Sài Gòn.

[14]. Nhiều tác giả (2008), *100 năm Đông Kinh nghĩa thực*, Nxb. Trí thức.

[15]. Chương Thâu (1982), *Đông Kinh nghĩa thực*, Nxb. Hà Nội.

[16]. Nguyễn Q. Thắng (1972), *Huỳnh Thúc Kháng, con người và thơ văn*, Phủ QVKĐTVH xuất bản, Sài Gòn.

[17]. Nguyễn An Tịnh (1996), *Nguyễn An Ninh*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.

[18]. Trường Đại học Hoa Sen và Nxb. Văn hóa Sài Gòn (2008), *Đổi mới giáo dục đại học Việt Nam, hai thời khắc đầu thế kỉ*, Tp. Hồ Chí Minh.

[19]. Nguyễn Khắc Viện (1998), *Bàn về đạo Nho*, Trần văn Quý chú giải, Nxb. Trẻ.

[20]. Nguyễn Văn Xuân (2000), *Phong trào Duy Tân*, Nxb. Đà Nẵng (in lần thứ tư).